

**CÔNG TY CỔ PHẦN GENMEDIC VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GENMEDIC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM GENMEDIC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GENMEDIC.JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109189138

**3. Ngày thành lập:** 20/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7- Dãy 6 khu giãn dân Yên Phúc, Tổ 5, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0938113582

Fax:

Email: [genmedicvietnam@gmail.com](mailto:genmedicvietnam@gmail.com)

Website: [genmedic.vn](http://genmedic.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết:<br>Hoạt động của các phòng chẩn trị y học cổ truyền<br>Hoạt động của các phòng khám chuyên khoa nội<br>Hoạt động của các Phòng xét nghiệm<br>Hoạt động của các Phòng khám chẩn đoán hình ảnh, Phòng X-Quang | 8620(Chính) |
| 2.  | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                            | 3250        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết :<br>Bán buôn thuốc<br>Bán buôn dụng cụ y tế; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.                                                                                                                                      | 4649        |
| 4.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                | 4772        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết : Bán buôn máy móc thiết bị y tế                                                                                                                                                                                           | 4659        |
| 6.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7911        |
| 7.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7912        |
| 8.  | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                    | 7990        |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4632        |
| 10. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                       | 4722        |
| 11. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                              | 5510        |

|     |                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                      | 5590 |
| 13. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                        | 4633 |
| 14. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                       | 4620 |
| 15. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                          | 4723 |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                    | 4933 |
| 17. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ dạy kèm (gia sư) ; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại.                | 8559 |
| 18. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết : Tư vấn giáo dục                                                                                   | 8560 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; | 8299 |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa                                       | 4610 |
| 21. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)           | 4669 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 250.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHÙNG VĂN SƠN | Tổ 1, Thị Trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam                           | Cổ phần phổ thông         | 137.500    | 1.375.000.000         | 55,000    | 060677706                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                           | Tổng số                   | 137.500    | 1.375.000.000         | 55,000    |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN VĂN DUÂN | Phòng 402 Tòa CT9B, Bamboo Garden, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 5.000      | 50.000.000            | 2,000     | 017090000241                                                                                |         |
|     |               |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                           | Tổng số                   | 5.000      | 50.000.000            | 2,000     |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                        |                           |         |               |        |           |  |
|---|-----------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 3 | PHÙNG VĂN THÀNH | Tổ 1, Thị Trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 40,000 | 060944477 |  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                        | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 40,000 |           |  |
|   |                 |                                                                        |                           |         |               |        |           |  |
| 4 | TRƯƠNG THỊ THẢO | Thôn Yên Bình, Xã Thanh Yên, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 7.500   | 75.000.000    | 3,000  | 040484808 |  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                        | Tổng số                   | 7.500   | 75.000.000    | 3,000  |           |  |
|   |                 |                                                                        |                           |         |               |        |           |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRƯỜNG THỊ THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 13/06/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 040484808

Ngày cấp: 17/02/2020

Nơi cấp: Công an tỉnh Điện Biên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Yên Bình, Xã Thanh Yên, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Yên Bình, Xã Thanh Yên, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội